

PGD & ĐT.....
TRƯỜNG TIỂU HỌC.....
=====&=====

ĐỀ CHÍNH THỨC
Họ và tên.....
Lớp: 1A2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
Năm học: 2023 - 2024
MÔN TOÁN - LỚP 1
Thời gian: 40 phút

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của cô giáo</u>

Câu 1:(1điểm- M1) Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Số gồm 5 đơn vị và 4 chục được viết là:

A. 54 B. 45 C. 50 D. 40

b) Các số 79, 81, 18 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 79,18, 81 B. 81, 79, 18 C. 18, 79, 81 D. 81, 18, 79

Câu 2: (1điểm- M1) Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

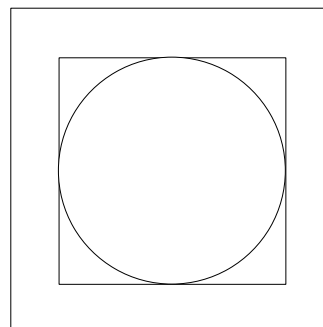
Hình vẽ bên có : hình tam giác

..... hình tròn

..... hình vuông

.....khối hộp chữ nhật

..... khối lập phương



Câu 3: (1điểm- M1) a.Số gồm 4 chục và 8 đơn vị đọc là :

A. tám tư B. bốn tám C. Bốn mươi tám D.Tám mươi tư

b. Trong các số 13, 63, 9, 24 số lớn nhất là số:

A. 13 B. 63 C. 9 D. 24

Câu 4: (1điểm- M1) <, >, = ?

$40 + 20 \dots\dots 50$

$56 - 34 \dots\dots 6 + 12$

$44 - 40 \dots\dots 4 + 0$

$5 + 23 \dots\dots 38$

Câu 5:(1điểm- M1) Đặt tính rồi tính

$20 + 35$

$6 + 52$

$73 - 21$

$98 - 97$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6: (1điểm- M2) a.Trong các số từ 25 đến 95 có số tròn chục.

A.6

B. 5

C.7

D. 8

b. Số lớn hơn số 17 và bé hơn số 20 là :

A. 15 và 16

B. 15 và 18

C. 16 và 18

D. 18 và 19

Câu 7: (1điểm- M2) Tính :

$32 + 5 - 13 = \text{.....}; \quad 76 - 4 + 0 = \text{.....}$

$30\text{cm} + 47\text{cm} = \text{.....} ; \quad 18\text{cm} - 8\text{cm} = \text{.....}$

Câu 8: (1 điểm- M2) Băng giấy dài bao nhiêu cm?

.....

Câu 9: (1điểm- M3) Điền kết quả đúng của bài toán dưới đây.

Hôm nay là thứ Hai ngày 02 tháng 05. Mẹ bảo chủ nhật này mẹ cho Nam đi chơi công viên. Vậy chủ nhật là ngày bao nhiêu?

A. Ngày 06

B. Ngày 08

C. Ngày 10

D. Ngày 12

Câu 10: (1điểm- M3) Tìm phép tính , nêu câu trả lời thích hợp.

Nga có 22 cái bút chì, Lan có 1 chục cái bút mực, Hoa có 15 cái bút sáp. Hỏi cả ba bạn có bao nhiêu cái bút?

Phép tính:

$$\boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} = \boxed{} \text{ (Cái bút)}$$

Trả lời:

Họ và tên:.....
Lớp: 1.. ... Trường tiểu học.....

Họ tên giáo viên coi kiểm tra	Họ tên giáo viên chấm bài kiểm tra
.....	
...	
.....	
...	

Điểm bài kiểm tra	Nhận xét của giáo viên chấm bài kiểm tra
	
	
	
	

I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

Câu 1: a) Trong các số: 35, 98, 74, 69 số nào lớn nhất

- A . 35 B . 74 **C . 98** D . 69

b) Trong các số: 69, 74, 98, 35 số nào bé nhất

- A . 69 B . 98 C . 74 **D . 35**

Câu 2: Nối:

20 + 29

36 + 12

99 - 12

48- 36

49

12

87

48
--

Câu 3: Đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống sau mỗi ý dưới đây

- a) $77 - 7 - 0 = 77$

☐
- c) $65 - 33 < 33$

☐
- b) $90 + 5 > 94$

☐
- d) $63 = 36$

☐

Câu 4: Trong các số 25; 46; 60; 07; 90 số tròn chục là:

A. 25; 60

B. 46 ; 90

C. 60; 90

D. 07; 60

Câu 5 : Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?



A. 6 giờ

B. 7 giờ

C. 4 giờ

D. 12 giờ

II. TỰ LUẬN:

Câu 6: Tính nhẩm

$$3 + 36 = \dots\dots\dots$$

$$38 \text{ cm} - 10\text{cm} = \dots\dots\dots$$

$$45 - 20 = \dots\dots\dots$$

$$60\text{cm} + 5\text{cm} = \dots\dots\dots$$

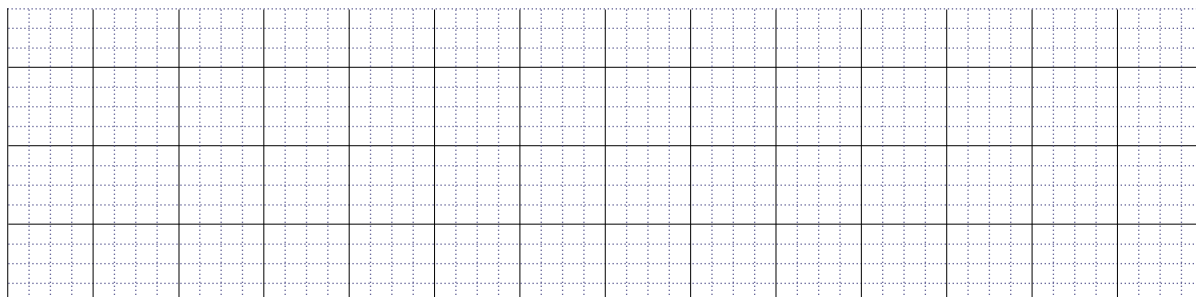
Câu 7: Đặt tính rồi tính:

$$26 + 6$$

$$76 + 20$$

$$68 - 31$$

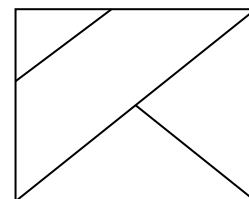
$$75 - 45$$



Câu 8: cho hình vẽ

a. Trong hình có bao nhiêu hình vuông? Có.....Hình vuông

b. Trong hình có bao nhiêu hình tam giác? Có.....Hình tam giác



Câu 9: Lớp 1A trồng được 14 cây, lớp 1B trồng được 22 cây. Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây?

Phép tính:



Trả lời: Cả hai lớp trồng được



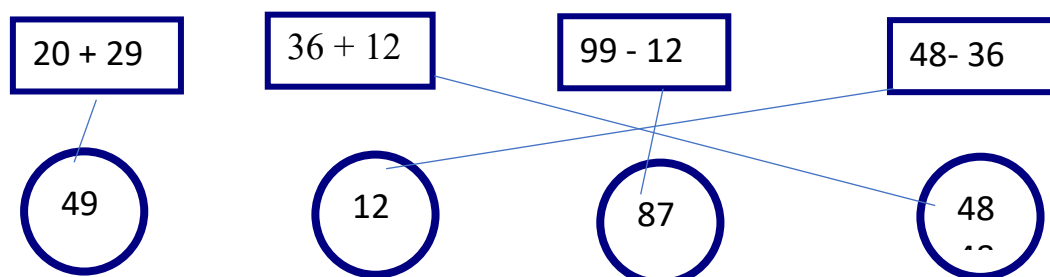
cây.

Câu 10: Cho ba số 43 ; 68; 25 và các dấu +; -; = hãy viết các phép tính đúng

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM
I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

Câu	1a)	1b)	4	5	6
Ý đúng	C	D	C	C	C
Điểm	1	1	1	1	1

Câu 2: (1 điểm) Nối: (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)



Câu 3: (1 điểm) (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

a) $77 - 7 - 0 = 77$

S
Đ

c) $65 - 33 < 33$

Đ

b) $90 + 5 > 94$

Đ

d) $63 = 36$

S

II. TỰ LUẬN:

Câu 6: (1 điểm) (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

$3 + 36 = 39$

$45 - 20 = 25$

$38 \text{ cm} - 10 \text{ cm} = 28 \text{ cm}$

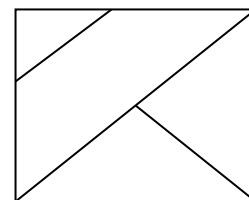
$60 \text{ cm} + 5 \text{ cm} = 65 \text{ cm}$

Câu 7: (1 điểm) mỗi phép tính đúng được (0,25 điểm)

Câu 8: (1 điểm) (Mỗi ý đúng 0,5 điểm)

c. Trong hình có bao nhiêu hình vuông? Có 1 hình vuông

d. Trong hình có bao nhiêu hình tam giác? Có 5 hình tam giác



Câu 9: (1 điểm)

Phép tính:

14
+
22
=
36

(0,5 điểm)

Trả lời: Cả hai lớp trồng được 36 cây.

(0,5 điểm)

Câu 10: (1 điểm) (Hs viết được 1 phép tính đúng được 0,25 điểm)

$43 + 25 = 68; 25 + 43 = 68; 68 - 25 = 43 ; 68 - 43 = 25$

Ma trận đề kiểm tra cuối năm- Lớp 1
Năm học 2023- 2024
Môn: Toán

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL
Số học: Biết số lớn nhất, số bé nhất, số tròn chục. Biết cách đặt tính và thực hiện phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100, viết phép tính trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn (cộng, trừ không nhớ)	Số câu	3	1	1	1		1	4	3
	Câu số	1,2,4	7	1	9		10		
	Số điểm	3,0	1,0	1,0	1,0		1,0	4,0	3,0
Hình học: Nhận biết được hình vuông, hình tam giác	Số câu						1		1
	Câu số						8		
	Số điểm						1,0		1,0
Thời gian: Biết xem giờ đúng, có nhận biết ban đầu về thời gian.	Số câu	1						1	
	Câu số	5							
	Số điểm	1,0						1,0	
Tổng	Số câu	5	1	1	1		2	5	5
	Số điểm	5,0	1,0	1,0	1,0		2,0	5,0	5,0